| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2020/KDTM-PT
Ngày: 24/3/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trí Dũng

*Các Thẩm phán*: Bà Võ Bích Hải

Bà Phan Thị Tuyết Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*** Bà Đồng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-KDTM ngày 26 Tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Công ty TNHH V

Địa chỉ: Lô G1 đường số 3, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đã Nẵng.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Huy Hoàng – Trợ lý Giám đốc. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2020).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Đỗ Thành Nhân – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

*2. Bị đơn*: Công ty TNHH N

Địa chỉ: T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Lê Tuấn K

Địa chỉ: T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2021).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Dương Hoàng Trang P

Địa chỉ: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Cửa hàng H

Địa chỉ: L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ông Phùng Văn T

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bà Dương Thảo T

Địa chỉ: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

*4. Người kháng cáo*: Công ty TNHH V.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau*:***

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*** Vào đầu tháng 4/2016 Công ty TNHH V (sau đây là gọi tắt là Công ty V) và Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nội dung: Công ty V cung cấp sản phẩm tủ, bàn ghế, vật dụng nội thất bằng nhựa và linh kiện các loại có liên quan. Về hình thức giao hàng hóa, Công ty V chuyển hàng hóa cùng phiếu xuất kho và hóa đơn cho Công ty V sau khi có yêu cầu đặt hàng. Về phương thức thanh toán là chuyển khoản thông qua Ngân hàng.

Theo Hợp đồng, từ tháng 4/2016 đến tháng 9/2016 Công ty V đã giao hàng cho Công ty N tổng cộng 14 lần với tổng giá trị hàng hóa là 1.624.205.000đồng. Công ty N đã chuyển khoản cho Công ty V 06 lần với tổng số tiền 704.679.000đồng (Trong đó chuyển khoản vào Tài khoản của Công ty V 04 lần với tổng số tiền 484.715.000đồng và cá nhân ông P, giám đốc Công ty N chuyển vào tài khoản cá nhân giám đốc Công ty V 02 lần với tổng số tiền là 219.969.000đồng), số tiền còn lại là 919.526.000đồng Công ty N không thanh toán cho Công ty V. Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty N phải trả số tiền nợ còn thiếu, đồng thời yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên từ khi chậm thanh toán cho đến khi xét xử. Cụ thể là từ tháng 10/2016 cho đến ngày xét xử.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty N trình bày:*** Bị đơn thừa nhận là có ký kết hợp đồng mua bán với Công ty V. Tuy nhiên, việc mua bán chỉ diễn ra trong 04 lần, tương ứng với 04 hóa đơn giá trị gia tăng số 1843 ngày 23/4/2016 với số tiền 120.175.000đồng, hóa đơn số 1856 ngày 05/5/2016 với số tiền với số tiền 125.125.000đồng, hóa đơn số 1900 ngày 26/5/2016 với số tiền 119.790.000đồng. Tất cả những hóa đơn này Công ty N đã chuyển trả tiền cho Công ty V và không còn nợ

Công ty V số tiền nào. Do đó, Công ty N không đồng ý trả số tiền như yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa sơ thẩm 28/11/2018***: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, Công ty V đã giao hàng cho Công ty N tổng cộng 14 lần. Trong tất cả những lần đó, đều có phiếu xuất kho, trong phiếu xuất kho có người của Công ty N ký xác nhận là Ông Phùng Văn T, có hóa đơn giá trị gia tăng đồng thời có xác nhận của Công ty vận chuyển là đã giao hàng tại kho của Công ty N.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, Ông T là nhân viên của Công ty N nhưng không phải tất cả những hàng hóa đều giao cho Ông T nhận, tùy thuộc vào ca trực và khi nhận hàng thì phải có giấy giới thiệu của Công ty N. Ngoài ra, Ông T không phải là nhân viên hợp đồng của Công ty N, hiện tại Ông T cũng đã nghỉ việc ở Công ty từ  từ tháng 5/2016 cho đến nay. Từ khi nghỉ việc đến nay Công ty không có tin tức gì về Ông T.

Do có đơn tố giác tội phạm của nguyên đơn nên vụ kiện được chuyển đến Phòng cảnh sát kinh tế - Công an thành phố Cần Thơ để làm rõ hành vi của Ông T có đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản hay không.

***Tại cơ quan điều tra***:

Các đương sự là đại diện ủy quyền của Công ty V và Công ty N vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

***Ông Phùng Văn T trình bày:*** ông vừa làm việc tại cửa hàng Dương Văn N do bà Dương  Thảo T làm chủ, vừa làm việc cho Công ty N. Công việc chính của ông là tại cửa hàng Dương Văn N ở đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và nhận hàng cho cửa hàng tại kho cũng ở đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều. Ở Công ty N ông chỉ là người giao hàng, không được phân công và cũng nhận hàng cho Công ty N. Ông T cũng thừa nhận ông là người ký nhận trong tất cả 17 phiếu xuất kho do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, Ông T cho rằng, những  phiếu xuất kho đó là ông nhận cho cửa hàng Dương Văn N và nhận tại kho của cửa hàng ở đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều.

***Ông Trương quốc H, là chồng của bà Võ Thị B – chủ Cửa hàng H, trình bày:*** Cửa hàng H có ký hợp đồng mua bán với Công ty V. Cụ thể là Hợp đồng số 05 – 01/10/2015/ HĐMB  ngày 01/10/2015 và các phụ lục hợp đồng số 01, 02,03/2016. Theo hợp đồng thì Cửa hàng H mua bán các sản phẩm nội thất nhựa bàn, tủ gia dụng các loại và phân phối các sản phẩm tủ, bàn nhựa cao cấp cho Công ty V, thời hạn hợp đồng là 20  năm. Tuy nhiên đến tháng 9/2016 thì Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng với Cửa hàng H vì cho rằng Cửa hàng bán không đạt chỉ tiêu doanh số và bán sản phẩm của Công ty khác. Trong quá trình mua bán, vào tháng 4/2016 ông đại diện cho vợ ông có làm việc với Công ty N với tư cách là nhà phân phối độc quyền của Công ty V, theo đó các bên thỏa thuận rằng:

+ Cửa hàng H sẽ cho Công ty N gói đầu 02 hay 03 đơn hàng và chiết khấu từ 10 đến 12%

+ Hàng hóa giao nhận sẽ từ Công ty V tại Đà Nẵng giao trực tiếp cho Công ty N tại Cần Thơ và ký hợp đồng, xuất hóa đơn VAT đều trực tiếp với Công ty N (Theo Điều 6 Hợp đồng 05-01/10/2015/HĐMB có quy định : nếu hàng giao số lượng lớn, nguyên xe thì V giao trực tiếp cho khách hàng của bên B)

Đến khoảng cuối tháng 8/2016 Công ty V muốn làm việc, mua bán trực tiếp với Công ty N nên việc mua bán sau đó diễn ra như thế nào ông không biết. Việc mua bán với Công ty N diễn ra khoảng 04 tháng và tổng cộng bao nhiêu chuyến hàng ông không nhớ rõ nhưng vợ ông P (Công ty N có chuyển tiền cho vợ ông nhiều lần với tổng số tiền khoảng 743.674.000đồng). Sau khi nhận được tiền của Công ty N chuyển thì vợ ông đã chuyển trả cho Công ty V thông qua các tài xế giao hàng của Công ty V. Vụ việc này cũng xảy ra tranh chấp và đã được Tòa án quận Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng giải quyết là Cửa hàng đã trả tiền cho Công ty V. Ngoài ra, trong khoản tháng 5, 6/2016 không biết Công ty N có chuyển khoản tiền cho Công ty V hay không, nếu có là tiền mua hàng của bên Cửa hàng H và Công ty V.

***Bà Võ Thị B, chủ Cửa hàng H trình bày:*** Cửa hàng H có ký hợp đồng mua bán và các phụ lục hợp đồng với Công ty V và thỏa thuận mua bán hàng hóa với Công ty N như chồng bà, ông Trương quốc H trình bày. Quá trình mua bán diễn ra cụ thể như thế nào thì chồng bà biết rõ vì ông H trực tiếp quản lý cửa hàng. Về việc chuyển tiền mua bán, bà thừa nhận có nhận tiền do Bà T từ Công ty N chuyển với tổng số tiền là 743.647.000đồng.

***Bà Dương Thảo T trình bày:*** Khoảng đầu năm 2016 bà có nhờ anh trai là ông Ngô Hoàng Trang P (Giám đốc Công ty N) liên hệ với ông Trương quốc H, là đại diện nhà phân phối Huy Hùng H, phân phối tủ nhựa ở Đà Nẵng mua tủ nhựa về để bán lại. Ông P mua hộ bà khoảng 09 chuyến hàng từ Huy Hùng H. Tất cả các chuyến hàng này đều giao tại 640- 642 đường 30/4 phừng Hưng Lợi, quận Ninh kiều, thành phố Cần Thơ, do Ông Phùng Văn T là người trực tiếp nhận hàng.

Sau khi thu thập những chứng cứ, tài liệu và lời khai của các đương sự, những người liên quan, ngày 16/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Cần Thơ ra Thông báo số 236/TB – CSĐT – KT về việc thông báo kết quả kiểm tra, xác minh tin báo về tội phạm và ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Nội dung bản thông báo có thể hiện:

Ông Phùng Văn T thừa nhận có ký nhận hàng trên 17 Phiếu xuất kho mà Công ty V cung cấp cho Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, đã nhận đủ hàng hóa theo sự phân công của Bà Dương Thảo T.

Bà Dương Thảo T cung cấp chứng từ 09 lần chuyển khoản số tiền 963.643.000đồng kèm theo bảng kê là đã thanh toán đầy đủ theo 17 phiếu xuất kho nêu trên cho bà Võ Thị B – chủ cửa hàng phân phối Huy Hùng H và bà Hin Đạt Mỹ D – tổng giám đốc Công ty V (theo đề nghị của Cửa hàng H).

Thông tin trên 17 phiếu xuất kho chỉ ghi " Huy Hùng H giao Cần Thơ: hàng hóa, trị giá hàng hóa ghi trên các hóa đơn Giá trị gia tăng không trùng khớp với bất kỳ phiếu xuất kho nào mà Công ty V đã cung cấp.

Công ty N chỉ thừa nhận có trực tiếp ký hợp đồng và nhận hàng theo 04 hóa đơn GTGT trực tiếp từ Công ty V và đã thanh toán đầy đủ bằng chuyển khoản trực tiếp cho Công ty V với tổng số tiền 484.710.000đồng.

Sau khi Cơ quan CSĐT chuyển trả hồ sơ, Tòa án tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty N trả số tiền còn nợ là 919.526.000đồng và lãi suất đối với số tiền trên là 202.295.712 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty N xác định Công ty N không còn nợ Công ty V số tiền nào nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự Kinh doanh thương mại số: 04/2020/KDTM-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tuyên xử như sau:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc buộc Công ty TNHH N trả số tiền 1.121.821.712đồng (trong đó nợ tiền mua bán là 919.526.000đồng và tiền lãi là 202.295.712).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/7/2020 Nguyên đơn Công ty TNHH V kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền hàng và lãi chậm trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự còn lại vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Theo chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng và khi thực hiện hợp đồng có tranh chấp về số tiền. Bị đơn chỉ thừa nhận bốn hóa đơn và đã thanh toán xong. Nguyên đơn cung cấp 14 hóa đơn giá trị gia tăng và 17 phiếu xuất kho chứng minh xuất hàng và có người nhận hàng nhưng không chứng minh được bị đơn đã nhận hàng. Trong hợp đồng không quy định cách thức về đặt hàng nhưng có quy định phải có giấy giới thiệu của bên nhận hàng nên Ông T nhận hàng nhưng không có giấy giới thiệu của Công ty N, do đó không có cơ sở xác định bị đơn có nhận hàng. Cơ quan điều tra cũng xác định hóa đơn giá trị gia tăng không trùng khớp với phiếu xuất kho nên không có cơ sở xác định bị đơn có mua hàng theo các hóa đơn. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không chứng

minh nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn.

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) khởi kiện Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) phải thanh toán tiền hàng còn nợ và lãi chậm trả theo hợp đồng mua bán mà các bên đã ký kết. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty V Hội đồng xét xử nhận thấy;

[2] Nguyên đơn và bị đơn Công ty N có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/2016/HĐMB ngày 01/01/2016. Theo đó Công ty V là bên cung cấp các sản phẩm tủ, bàn ghế vật dụng nội thất bằng nhựa cho bị đơn Công ty N và theo nội dung của hợp đồng thì Công ty V là bên cung cấp và Công ty N là bên mua hàng không có liên quan đến đơn vị thứ ba nào khác. Tuy nhiên 14 hóa đơn giá trị gia tăng và 17 phiếu xuất kho mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh bị đơn có nhận hàng và còn nợ tiền hàng thì trên các phiếu này thể hiện là của Cửa hàng H giao Cần Thơ và người ký nhận trên 14 phiếu là Ông Phùng Văn T. Theo quy định tại Điều 5: Phương thức giao nhận của hợp đồng 03/2016/HĐMB có quy định *"Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận của bên bán và bên mua….."*, đối chiếu với thỏa thuận nêu trên thì chưa đủ cơ sở cho rằng Công ty V đã giao hàng cho bên Công ty N theo các phiếu xuất kho vì trên phiếu xuất kho bên giao không phải là Công ty V.

[3] Nguyên đơn cho rằng đã giao hàng 14 lần, bị đơn đã nhận hàng và Ông Phùng Văn T là người đã ký nhận phiếu xuất kho. Ông T thừa nhận ông có ký tên người nhận trên 14 phiếu xuất kho nhưng là ký nhận cho Bà Dương Thảo T (chủ cửa hàng Dương Văn N) mua hàng của Cửa hàng H. Điều này trùng khớp với lời khai của Bà Dương Thảo T tại cơ quan điều tra là có mua hàng của Cửa hàng H thông qua ông P (đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N), do Ông Phùng Văn T ký nhận trên các phiếu xuất kho và đã chuyển khoản thanh toán đầy đủ cho của hàng Huy Hùng H với tổng số tiền 963.643.000 đồng. Đồng thời cũng trùng khớp với lời khai của ông Trương quốc H (chồng bà Võ Thị B – Chủ Cửa hàng H) là Cửa hàng H có ký kết hợp đồng với Công ty N với tư cách là nhà phân phối độc quyền của Công ty V, quá trình mua bán các bên đã nhận hàng và thanh toán đầy đủ, Cửa hàng H cũng đã bàn giao lại tiền hàng cho Công ty V. Do đó không có chứng cứ chứng minh bị đơn còn nợ tiền hàng đối với nguyên đơn.

[4] Nguyên đơn khởi kiện nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm; buộc bị đơn trả nợ tiền hàng và lãi phát sinh là không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc buộc Công ty TNHH N trả số tiền 1.121.821.712đồng (trong đó nợ tiền mua bán là 919.526.000đồng và tiền lãi là 202.295.712).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH V phải chịu 45.654.651 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 5.057.000 đồng theo các biên lai số 001949 ngày 18/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và 39.585.780 đồng theo biên lai thu số 007991 ngày 08/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Công ty TNHH V còn phải nộp thêm 1.011.871đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH V phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 002850 ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Công ty TNHH V đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Trần Trí Dũng**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS. Q.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).